

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VĨNH BẢO

MST: 0200110909

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Bảo, ngày 30 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-TLV ngày 30/01/2026 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo)

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Đánh giá chung

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo được chuyển đổi từ Công ty Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 06/7/2009 của UBND thành phố Hải Phòng, với 100% vốn Nhà nước do UBND Thành phố Hải Phòng làm chủ sở hữu.

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo được thành phố giao quản lý, khai thác, vận hành hệ thống thủy lợi Vĩnh Bảo với 73 công trình công dưới đê, 148 công trình kênh, 168 công trình kênh tưới sau trạm bơm, 170 công trình trên kênh, 04 trạm tiêu úng và 173 trạm bơm tưới, thực hiện nhiệm vụ cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng thủy sản; phòng chống thiên tai, bão lụt; cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, dịch vụ, phát triển dân sinh kinh tế trên địa bàn 07 xã, phía Đông thành phố Hải Phòng.

Trong năm 2025, công ty đã cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước, đúng khung thời vụ cho 21.550,00 ha lúa, rau màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản quay vòng cả năm, kịp thời tiêu thoát nước khi có mưa lũ xảy ra, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do mưa lũ gây ra. Đã cung cấp nước thô cho công ty Cổ phần Cấp nước Hải Phòng và các nhà máy nước mini trên địa bàn các xã.

Năm 2025, tập thể cán bộ, công nhân viên lao động Công ty đã nỗ lực thực hiện, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được UBND thành phố giao: Làm tốt công tác điều hành nguồn nước, cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn nước có chất lượng tốt phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống dân sinh; Thực hiện bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo 100% người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; Đảm

bảo đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước; Bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2025

Công ty thực hiện Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 05/06/2025 về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 và các văn bản của UBND thành phố để triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị. Nhìn chung trong năm 2025 công ty thực hiện kế hoạch của UBND thành phố giao trong điều kiện thuận lợi và khó khăn chung đã ảnh hưởng đến tăng giảm một số chỉ tiêu kế hoạch.

*** Thuận lợi**

- Được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, Ban ngành có liên quan của thành phố; của Thành ủy, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Đảng ủy, UBND các xã, các HTX nông nghiệp và các đơn vị sử dụng nước trên Hệ thống thủy lợi Vĩnh Bảo.

- Nhà nước và Thành phố tiếp tục có nhiều chính sách tập trung thực hiện chương trình “Xây dựng nông thôn mới”, đầu tư kinh phí cho các doanh nghiệp thủy nông và các địa phương thực hiện cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi, hỗ trợ kinh phí làm thủy lợi nội đồng...

- Tập thể CBCNVLD của Công ty luôn giữ được truyền thống đoàn kết, yêu ngành, yêu nghề; có trình độ chuyên môn vững vàng, yên tâm công tác, gắn bó với Công ty.

*** Khó khăn**

- Hệ thống công trình thủy lợi đa số được xây dựng lâu ngày, do không có đủ kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên nay đã bị xuống cấp, đặc biệt là các công trình do địa phương quản lý, không đáp ứng được yêu cầu tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh, kém an toàn trong mùa mưa bão.

- Việc phát triển các khu công nghiệp, dự án trên địa bàn làm phá vỡ quy hoạch hệ thống công trình, làm mất tác dụng của một số công trình thủy lợi, tạo ra những vùng đất xen kẹt, gây nhiều khó khăn cho công tác điều hành tưới nước và tiêu thoát nước, đặc biệt là trong mùa mưa bão; việc xả nước thải, chất

thải, rác thải... chưa qua xử lý xuống công trình thủy lợi còn nhiều, tình trạng bèo, muông phát triển dày đặc trên hệ thống kênh nhánh do địa phương quản lý đã làm ô nhiễm nguồn nước và ách tắc dòng chảy; vi phạm lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi trong năm 2025, giảm về số vụ vi phạm, tuy nhiên cách thức tiến hành tình vi hơn dẫn đến khó xử lý; các vụ vi phạm còn tồn đọng từ trước vẫn chưa giải quyết dứt điểm.

- Thời tiết và thủy văn diễn biến phức tạp: đầu năm khô hạn, mực nước trên các triền sông bị hạ thấp, độ mặn cao, xâm nhập sâu gây rất nhiều khó khăn cho công tác lấy nước nguồn vào hệ thống; vào mùa mưa bão, số lượng các cơn bão và siêu bão nhiều, hoàn lưu bão rộng, mưa lớn gây ngập lụt... dẫn đến việc quản lý, điều hành hệ thống gặp rất nhiều khó khăn.

- Việc thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu còn mới, nhiều bộ phận, đơn vị, cá nhân phụ trách chuyển chuyên, công tác phối hợp với các đầu mối để giải quyết các vấn đề phát sinh có lúc chưa kịp thời; Việc thay đổi địa giới hành chính xã mới ảnh hưởng đến phân định thẩm quyền quản lý của các đơn vị thuộc Công ty.

- Giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất như xăng, dầu, điện, sắt thép, vật liệu xây dựng, vật tư phục vụ sửa chữa, vận hành... tăng cao trong khi giá dịch vụ thủy lợi vẫn chưa được thay đổi từ năm 2012 cho đến nay, khó khăn đối với tình hình tài chính và nguồn thu của Công ty.

Nhưng với truyền thống đoàn kết và tinh thần quyết tâm khắc phục mọi khó khăn nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị và sản xuất dịch vụ của đơn vị, năm 2025, tập thể CBCNVLĐ của Công ty đã tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ, được thể hiện trên các mặt công tác sau:

2.1. Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % (TH so với KH)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
1.1	Diện tích tưới tiêu cho nông nghiệp	ha	21.767,71	21.550,00	98,99
1.2	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha	8.120,88	8.120,88	100
1.3	Tiêu thoát nước khu công nghiệp,	ha			



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % (TH so với KH)
	<i>khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao</i>				
1.4	Cấp nước sinh hoạt và công nghiệp	Tr.m ³	4,416	4,411	99,88
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	33.864	35.255	104,10
2.1	Dịch vụ công ích	Tr.đ	29.720	29.495	99,24
2.2	Cấp nước thô	Tr.đ	3.974	3.970	99,90
2.3	Doanh thu khác	Tr.đ	170	1.831	1.077,06
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.520	2.818	111,83
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	675	718	106,37
5	Tổng lao động	Người	196	191	97,44
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.đ	8,1	8,3	102,47

Đánh giá chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch năm 2025:

(1) Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 đạt 35.255 triệu đồng bằng 104,11% so với kế hoạch.

Dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện năm 2025 đạt 99,24% so với kế hoạch, giảm 225 triệu đồng. Nguyên nhân là do, giảm diện tích lúa để chuyển sang nuôi trồng thủy sản với đơn giá thủy sản cao hơn tưới tiêu cho lúa.

Cấp nước thô thực hiện năm 2025 là 3.970 triệu đồng so với kế hoạch là 3.974 triệu đồng, giảm 04 triệu đồng, đạt 99,9% kế hoạch.

(2) Thực hiện nộp ngân sách năm 2025 là 718 triệu đồng (bằng 106,37%, tương ứng tăng 675 triệu đồng so với kế hoạch)

(3) Các chỉ tiêu khác,

Doanh thu khác năm 2025 thực hiện là 1.831 triệu đồng so với kế hoạch năm 2025 là 170 triệu đồng, tăng 1.661 triệu đồng. Nguyên nhân là do, trong năm 2025 công ty nhận được tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp Dũng Tiến – Giang Biên với số tiền là 417.196.000 đồng; Nhận tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án tổ hợp sơ chế, chế biến nông sản thực phẩm công nghệ cao là 1.244.474.000 đồng; Thanh lý vật tư, vật liệu thu hồi sau sửa chữa công trình là 127.909.4000 đồng.

Chỉ tiêu Thu nhập bình quân (người/tháng) tăng 0,2 triệu đồng so với kế hoạch 2025, tăng 102,47% Thu nhập bình quân (gồm người quản lý và người lao động) thực hiện năm 2025 tăng 0,2 triệu đồng là do: Trong năm 2025 Cán bộ công nhân viên chức người lao động đến kỳ được tăng bậc lương.

(4) Chỉ tiêu diện tích tưới tiêu nông nghiệp 21.550ha/21.767,71ha đạt 99% so với kế hoạch: Diện tích lúa giảm 217,71 ha: Là do thu hồi diện tích thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp đường, các khu hành chính, nhà văn hóa tại các xã Vĩnh Bảo, xã Nguyễn Bình Khiêm, xã Vĩnh Thuận... chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa

(5) Chỉ tiêu số lao động là 191 lao động/196 lao động bằng 97,45% so với kế hoạch: Giảm 05 người so với kế hoạch: trong năm 2025 Công ty vẫn giữ nguyên mô hình hoạt động, công việc tương đối ổn định. Mặt khác nhu cầu tuyển dụng chưa có nên số lượng lao động giảm so với kế hoạch.

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án/công trình	Văn bản, quyết định phê duyệt	KH năm 2025	Kết quả thực hiện năm 2025		Nguồn năm 2025
				Thực hiện	Chưa thực hiện	
I	Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025	Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 05/06/2025	25.160			
1	Công trình duy tu, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp		21.900	22.274	0	Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ
			3.260	770	05	Nguồn thu của công ty (dịch vụ công ích thủy lợi, dịch vụ thủy lợi khác)
II	Kinh phí được bổ sung theo Quyết định của UBND thành phố	Quyết định số 4596/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	265,87	339,90	0	Nguồn kết dư đặt hàng

Trong năm 2025, ngay từ đầu năm bám sát vào Kế hoạch sản xuất kinh

doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2025 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt tại Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 06/5/2021. Công ty đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tiến hành triển khai theo đúng quy định. Bằng các nguồn vốn công ty đã tập trung nâng cấp, cải tạo các công trình thủy lợi. Các công trình sau đầu tư đã phát huy tác dụng tốt.

Về tổng vốn đầu tư:

*** Công trình đầu tư bằng nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa tài sản cố định:**

- Theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025 của công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư cho các hạng mục công trình với tổng mức đầu tư là 21.900.000.000 đồng.

- Trong quá trình thiết kế, thi công và nghiệm thu quyết toán công trình đưa vào sử dụng, tổng giá trị quyết toán của các hạng mục công trình là 22.274.033.500 đồng.

- Căn cứ hồ sơ quyết toán được duyệt, Sở Tài chính Hải Phòng đã cấp kinh phí cho các hạng mục công trình là 22.060.515.000 đồng.

- Số còn thiếu vốn của các hạng mục công trình là 213.518.500 đồng, Công ty trích bổ sung từ nguồn chi dịch vụ thủy lợi của Công ty.

*** Công trình đầu tư sửa chữa, bảo trì bằng nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác.**

Trong năm 2025 Công ty xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo trì bằng nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác với tổng giá trị là 3.160.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện, Công ty đã tiến hành sửa chữa, bảo trì 05/10 công trình với tổng giá trị 770.231.000 đồng; 05 công trình còn lại công ty chưa thực hiện trong năm 2025 do không bố trí được nguồn

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Năm 2026, công ty thực hiện nhiệm vụ dự kiến có nhiều thuận lợi nhưng cũng gắn liền với những khó khăn chung. Để đạt được mục tiêu đề ra và vượt qua những khó khăn thách thức cần xây dựng và thực hiện các biện pháp cụ thể về công tác quản lý; về xây dựng tài chính; tiếp tục phát triển nguồn nhân lực và

nâng cao chất lượng theo yêu cầu từng lĩnh vực, áp dụng khoa học công nghệ vào vận hành công trình, đảm bảo công trình luôn an toàn và hiệu quả.

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % so với thực hiện năm 2025
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
1.1	Diện tích tưới tiêu:		29.570,50	99,66
-	Diện tích tưới tiêu cho nông nghiệp	ha	21.449,61	99,53
-	Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị (trừ vùng nội thị)	ha	8.120,88	100,00
1.2	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp	Triệu m ³	4.520	102,5
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	34.287	97,25
2.1	Dịch vụ công ích	Tr.đ	30.043	102,00
2.2	Cấp nước thô	Tr.đ	4.070	102,5
2.3	Doanh thu khác	Tr.đ	174	9,5
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	2.600	92,26
4	Nộp ngân sách	Tr.đ	650	90,53

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 so với thực hiện năm 2025 bởi một số nguyên nhân sau:

- Về diện tích tưới tiêu giảm -100,38 ha (99,66%) so với thực hiện 2025 là do Công ty xây dựng trên cơ sở căn cứ vào chỉ tiêu đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5199/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 về phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 trong lưu vực do các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi phục vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về sản lượng cung cấp nước thô tăng 0,109 triệu m³ (102,5%) so với thực hiện năm 2025 là do Công ty căn cứ nhu cầu thực tế trên địa bàn huyện và khối lượng Công ty thực hiện ký hợp đồng trong năm 2025, có tính yếu tố tăng

trường sản lượng 8% theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về giao chỉ tiêu tăng trưởng đối với DNNN

- Về đơn giá, đến thời điểm hiện tại chưa có đơn giá mới, công ty tạm áp dụng đơn giá theo Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 Quyết định Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 cho các Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Về doanh thu khác: Năm 2026 dự kiến là 174 triệu đồng giảm 1.657 triệu đồng (9,5%) so với số thực hiện năm 2025 là do năm 2026 các khoản đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thanh lý vật tư, vật liệu thu hồi do sửa chữa công trình dự kiến là không có.

- Lợi nhuận trước thuế giảm 218 triệu đồng (92,26%) so với năm 2025 là trên cơ sở doanh thu kế hoạch 2026 giảm so với thực hiện 2025.

- Nộp ngân sách giảm 68 triệu đồng (90,53%) so với thực hiện năm 2025 là do công ty căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu nộp ngân sách trong năm 2025.

3.2. Kế hoạch đầu tư năm 2026

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Công trình	Kinh phí dự kiến	Nguồn
1	Sửa chữa, cải tạo các công trình	29.454	Nguồn hỗ trợ bảo trì, sửa chữa TSCĐ và hỗ trợ tài chính khác
2	Sửa chữa, bảo trì các công trình	7.751	Nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác
	Tổng cộng	37.205	

a) Về việc đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ tính cấp bách của các công trình và mục đích đầu tư của các trạm bơm, mương cứng sau trạm bơm, là những công trình tưới tiêu chủ động dẫn nước đến mặt ruộng cho nông dân, nếu một trong các hạng mục công trình kênh mương hư hỏng, xuống cấp thì không hoạt động phục vụ được việc tưới tiêu; đối với các cống nếu một trong các hạng mục như cánh cống, kè cống, kênh mương .v.v. nếu bị hư hỏng, xuống cấp là cống không hoạt động được sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các ngành kinh tế, phòng chống thiên tai và đời sống nhân dân.

Do vậy, với nhu cầu cần thiết phải đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công

trình thủy lợi trên địa bàn các xã và nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước kênh Chanh Dương và căn cứ danh mục công trình đã được các ngành thống nhất nêu trên, công ty xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình trong năm 2026 với tổng kinh phí dự kiến là 29.454 triệu đồng, từ nguồn hỗ trợ, bảo trì sửa chữa TSCĐ... (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

b) Đầu tư sửa chữa, bảo trì bằng nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác trong năm 2026 với tổng kinh phí dự kiến là 6.301 triệu đồng. (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

c) Xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình và lập quy trình vận hành hệ thống là 1.450 triệu đồng từ nguồn dịch vụ công ích thủy lợi và dịch vụ thủy lợi khác.

4. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch

4.1. Giải pháp về tài chính

a. Hoạt động dịch vụ thủy lợi

- Thực hiện đơn giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đối với sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; các hợp đồng tưới tiêu dịch vụ thủy lợi, hợp đồng cung cấp nước thô để xây dựng kế hoạch thu.

- Công tác chi hoạt động dịch vụ thủy lợi thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với các khoản mục chi phí tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 và các thông tư hướng dẫn; Quyết định số 5139/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của Ủy ban nhân thành phố phê duyệt định mức KTKT và các văn bản hiện hành khác. Cân đối nguồn vốn đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và cấp nước thô, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách về các khoản thuế, phí, lệ phí và đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Nguồn vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Tích cực khai thác các nguồn vốn trung ương và thành phố cùng với nguồn nước thô thực hiện các kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình.

- Thúc đẩy tăng doanh thu từ dịch vụ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất công nghiệp, xây dựng, sinh hoạt, đặc biệt là các nhà máy nước mini trên địa bàn các xã.

- Tiến hành ký kết hợp đồng, nghiệm thu thanh lý diện tích theo từng vụ đảm bảo kế hoạch. Ký kết hợp đồng cung cấp nước thô cho các nhà máy nước, đặc biệt là các nhà máy nước mini, tiến hành thu đủ tiền cung cấp nước thô để

đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí bằng việc ban hành các định mức, nhất là định mức tiền điện của các trạm bơm tưới, từ đó gắn với trách nhiệm của công nhân vận hành và cụm sản xuất, xây dựng cơ chế thưởng, phạt gắn với trách nhiệm quản lý công trình.

b. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thường xuyên phân tích và đánh giá hiệu quả, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh, điều chỉnh kịp thời việc đầu tư kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế; tăng cường công tác hạch toán và quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và tích lũy vốn để phát triển.

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm công việc như tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng và công nghiệp, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế công trình thủy lợi nhằm tăng doanh thu theo kế hoạch đã đề ra.

c. Giải pháp tài chính

- Thực hiện về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

- Quản lý các khoản mục thu chi tài chính theo các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán tại Quy chế tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản Nhà nước hiện hành đảm bảo thực hành tiết kiệm chi phí tăng lợi nhuận và các quỹ tại đơn vị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trên cơ sở Quy chế tài chính của Công ty.

- Thực hiện tốt các quy định trong quản lý tài chính, các chi phí trong kế hoạch thu - chi tài chính đảm bảo chi tiêu đúng mục đích, đúng chế độ chính sách của nhà nước, tiết kiệm chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư, quản lý tài chính, mua sắm, phân phối thu nhập; việc ký kết và thực hiện các hợp đồng với những đơn vị cung cấp đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4.2. Giải pháp về sản xuất.

a. Hoạt động dịch vụ công ích.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình vận hành công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố công trình trước,

trong, sau mùa mưa bão và trước các vụ sản xuất; gắn trách nhiệm cá nhân trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Khai thác gắn với công tác bảo vệ, đầu tư nâng cấp công trình, làm tốt công tác quy hoạch đảm bảo tính lâu dài và đồng bộ, hệ thống tưới, tiêu được khép kín từ các công trình đầu mối đến mặt ruộng, phù hợp với từng loại cây trồng, vùng sản xuất, từng ngành kinh tế và đời sống dân sinh.

- Khai thác, đẩy mạnh dịch vụ cung cấp nước thô cho các nhà máy nước mini và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu. Trước mắt là khai thác hợp đồng cung cấp nước thô với tất cả các đơn vị dùng nước có sử dụng nước cho sản xuất công nghiệp, xây dựng và sản xuất nước sạch trên địa bàn các xã.

- Thực hiện sắp xếp mô hình sản xuất đảm bảo tinh gọn, chuyên sâu về chuyên môn.

b. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tích cực khai thác, tìm kiếm việc làm trên cơ sở phát huy tiềm năng của công ty, nhu cầu của thị trường; mở rộng dịch vụ, ngành nghề liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của công ty.

- Từng bước nâng cao năng lực thi công, thực hiện các biện pháp thi công khoa học để nâng cao năng lực và kinh nghiệm nhà thầu, chủ động tìm các công trình mới trong hoạt động xây dựng cơ bản.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong thực hiện sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, chính sách đối với người lao động.

- Đối với các cụm thủy lợi trực thuộc cần phối hợp chặt chẽ với các thôn, xã, nơi có công trình thủy lợi, để quản lý, khai thác và bảo vệ hiệu quả các công trình. Bảo vệ công trình chống lấn chiếm vi phạm, ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi. Đẩy mạnh công tác cấp nước thô cho các nhà máy nước và khu công nghiệp nhằm tăng doanh thu tiền nước.

- Sắp xếp hợp lý lao động dần tiến tới khoán công trình, khoán việc nhằm nâng cao trách nhiệm của người lao động, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu tăng lương tối thiểu của Nhà nước.

c. Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển

- Để nâng cao chất lượng các công trình, hiệu quả đầu tư, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, Công ty chủ động nắm bắt, đánh giá tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn. Tăng cường tổ chức

kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư; đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư phù hợp với mục tiêu và khả năng cân đối của từng nguồn vốn.

- Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, giám sát độc lập, quy chế độ trách nhiệm cá nhân trong từng khâu của quá trình thực hiện dự án. Thường xuyên có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn về mặt nhân sự và trang thiết bị cho Công ty.

4.3. Giải pháp về marketing.

- Tìm kiếm thị trường; xây dựng hình ảnh, uy tín của công ty bằng chất lượng cung cấp các dịch vụ công ích, sản phẩm công trình do công ty cung cấp và thực hiện.

- Tăng cường quảng bá, giới thiệu về công ty trên trang thông tin điện tử của công ty và các kênh thông tin khác đến khách hàng và đối tác để thu hút, tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

4.4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo các yêu cầu về năng lực đối với tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Quan tâm đến đội ngũ cán bộ nguồn kế cận, các chức danh cán bộ chủ chốt và đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên ngành, công nhân lành nghề có năng lực, trình độ và kinh nghiệm thực tiễn để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Làm tốt công tác quy hoạch, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ để chọn người có đức, có tài, có trình độ, năng lực công tác, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Đổi mới và xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, khoa học, văn minh của cán bộ và người lao động, lấy hiệu quả công việc làm tiêu chí sắp xếp cán bộ.

4.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Ứng dụng các công nghệ mới, các phương pháp tưới tiêu khoa học phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng để tiết kiệm nguồn nước và chi

phí tiền điện bơm nước.

- Công ty áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật, tham gia quy trình vận hành công trình, quy trình điều tiết nước, vận hành hệ thống thủy lợi. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào quản lý và khai thác công trình thủy lợi.

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị thi công, áp dụng tin học vào quản lý điều hành trong công tác xây dựng cơ bản nhằm chủ động thực hiện nhiệm vụ.

- Tiếp tục phát triển trên nền các ứng dụng Google Earth pro, Google Maps để xây dựng bộ bản đồ trực tuyến.... Bản đồ số hệ thống giúp giảm khối lượng hồ sơ bản đồ, giấy tờ, nhanh chóng thuận tiện trong tra cứu vị trí, thông tin, tích hợp nhiều loại thông tin phục vụ công tác quản lý từ tổng quan đến chi tiết.

- Nghiên cứu, thực hiện cải tiến kỹ thuật để vận hành công trình bằng máy móc thiết bị, hạn chế tối đa vận hành bằng thủ công, giảm tối đa sức lao động của con người.

4.6. Giải pháp về quản lý và khai thác công trình thủy lợi.

- Thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi, xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy Lợi.

- Xây dựng phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ các tuyến kênh trục chính.

- Tăng cường công tác quản lý điều hành, đặc biệt là công tác quản lý vận hành công trình tưới tiêu, phục vụ sản xuất, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, phù hợp với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cung cấp đủ nguồn nước, chất lượng nước cho sản xuất nước sạch phục vụ nhu cầu dân sinh kinh tế trên địa bàn các xã.

- Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền liên quan đến quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đến cán bộ, công nhân lao động và cộng đồng dân cư, đặc biệt là đối với người trực tiếp được giao nhiệm vụ quản lý vận hành công trình.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm, lấn chiếm công trình thủy lợi theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố về việc ban hành quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đề điều trên địa bàn thành phố, Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 24/02/2023 của UBND thành phố về việc tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đồng thời



báo cáo chính quyền cơ sở có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm công trình thủy lợi

- Do thời tiết diễn biến phức tạp lên những năm trở lại đây nước đầu nguồn về với mức độ thấp, nước biển xâm nhập sâu vào trong đất liền nên công tác phòng chống nhiễm mặn luôn được công ty đặt lên hàng đầu để phòng chống nhiễm mặn cửa cống tránh rò rỉ vào đồng để phục vụ tốt công tác dân sinh và điều tiết nước trên địa bàn huyện các xã.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền hoặc chính quyền địa phương để xử lý dứt điểm những vi phạm xả nước thải ô nhiễm xuống công trình thủy lợi.

- Xây dựng quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo hướng thực hiện đa mục tiêu và phát triển bền vững.

4.7. Giải pháp về quản lý, điều hành.

- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra thường xuyên và đột xuất nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, công nhân lao động trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Sắp xếp tổ chức bộ máy phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của công ty, kiểm tra, rà soát, điều chỉnh, phân công lao động cho phù hợp với tay nghề và trình độ chuyên môn của từng cán bộ, công nhân lao động, phát huy năng lực và sở trường cá nhân của người lao động; phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng chức danh lãnh đạo, từng cá nhân, các phòng chuyên môn nghiệp vụ, các cụm, đội, các công trình trong công ty.

- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế, quy định nội bộ của công ty phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tiễn để thống nhất trong quá trình chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Hải Phòng;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Lê Minh Tân

DANH MỤC

Các công trình cần sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trong kế hoạch đầu tư phát triển năm 2026

STT	Tên công trình	Vị trí	Hiện trạng	Nội dung công việc thực hiện bảo trì	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Chiều dài thực hiện (m)	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	ĐẦU TƯ SỬA CHỮA BẢNG NGUỒN HỖ TRỢ BẢO TRÌ, SỬA CHỮA TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH KHÁC (CHỈ TỪ NGUỒN BẢO VỆ ĐẤT TRỒNG LÚA)								
1	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hải gói 1								
1.1	Cô Tinh	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	1.065	200	20°39'12.9"N 106°28'41.3"E	20°39'18.4"N 106°28'44.8"E	
1.2	Đoàn Kết	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	1.905	300	20°39'22.5"N 106°28'52.5"E	20°39'26.3"N 106°28'58.4"E	
2	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hải gói 2								

2.1	Hoành Lộ	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và một bên thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát một bên thành mương và đắp lại lè đất.	356	-Tuyến 2: 20°38'58.5"N 106°28'16.5"E	-Tuyến 2: 20°39'06.2"N 106°28'07.4"E
						-Tuyến 1: 20°38'58.5"N 106°28'16.5"E	-Tuyến 1: 20°38'48.6"N 106°28'27.7"E
2.2	Cái Cò	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và một bên thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát một bên thành mương và đắp lại lè đất.	200	20°39'21.4"N 106°27'59.0"E	20°39'16.8"N 106°27'54.6"E
3	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hải gói 2				1.945		
3.1	Cán Tàn	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	425	-Tuyến 1: 20°37'55.7"N 106°29'21.0"E	-Tuyến 1: 20°38'05.6"N 106°29'27.4"E
						-Tuyến 2: 20°38'12.4"N 106°29'16.2"E	-Tuyến 2: 20°38'08.2"N 106°29'10.3"E
3.2	Quần Thiềng	Xã Vĩnh Hải	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	215	20°38'26.0"N 106°28'41.3"E	20°38'21.5"N 106°28'35.5"E

6	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Am gói 2		1.545			
6.1	Đông Triền	Xã Vĩnh Am	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	182	-Tuyến 1: 20°38'53.3"N 106°31'09.9"E
6.2	Kim Bích	Xã Vĩnh Am	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	180	-Tuyến 2: 20°39'06.9"N 106°31'12.2"E
7	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Am gói 3		1.650			
7.1	Thượng Am	Xã Vĩnh Am	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	750	20°38'43.2"N 106°31'06.4"E
8	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Bảo gói 1		1.545			
8.1	Cầu Trại	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại	205	-Tuyến 1: 20°39'53.0"N 106°29'34.6"E
						-Tuyến 1: 20°38'19.9"N 106°30'59.5"E
						-Tuyến 1: 20°39'59.5"N 106°29'35.9"E

			thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	lê đất.		145	-Tuyến 2: 20°39'59.8"N 106°29'34.8"E	-Tuyến 2: 20°40'00.9"N 106°29'29.9"E	
8.2	Cầu Rùa	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		70	20°40'03.0"N 106°29'45.7"E	20°40'05.2"N 106°29'46.2"E	
8.3	Đình Miế	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		150	20°39'53.8"N 106°28'53.9"E	20°39'55.0"N 106°28'48.8"E	
8.4	Nội Bài	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		255	20°40'42.6"N 106°29'20.2"E	20°40'45.4"N 106°29'15.0"E	
9	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Bảo gói 2					770			
9.1	Tân Liên 1	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương bị xuống cấp gây rò rỉ nước.	Đổ bê tông trong lòng mương và róc trát lại đoạn mương xuống cấp.		450	20°42'12.4"N 106°30'06.4"E	20°42'26.9"N 106°30'04.9"E	

10		Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Bảo gói 3		1.940				
10.1	Rộc Na	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.		Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	486	20°41'33.5"N 106°28'10.3"E	20°41'32.0"N 106°27'53.6"E
						158	20°41'33.9"N 106°28'15.7"E	20°41'29.0"N 106°28'17.2"E
10.2	Đường Láng	Xã Vĩnh Bảo	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.		Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	295	20°41'05.3"N 106°28'11.7"E	20°41'01.9"N 106°28'02.1"E
11		Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Thịnh gói 1		756				
11.1	Tâm Thượng 1	Xã Vĩnh Thịnh	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.		Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	360	20°42'21.2"N 106°29'07.6"E	20°42'21.5"N 106°29'19.7"E
12		Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Thịnh gói 2		1.630				

12.1	Viên Lang 2	Xã Vĩnh Thịnh	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.		555	20°43'55.7"N 106°29'51.9"E	20°43'56.9"N 106°29'36.4"E
12.2	Viên Lang 3	Xã Vĩnh Thịnh	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.		196	-Tuyến 1: 20°43'50.2"N 106°29'11.3"E	-Tuyến 1: 20°43'44.0"N 106°29'11.9"E
						100	-Tuyến 2: 20°43'52.2"N 106°29'27.1"E	-Tuyến 2: 20°43'52.7"N 106°29'30.5"E
13	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Thịnh gói 3				1.850			
13.1	Đường 17A	Xã Vĩnh Thịnh	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.		630	20°43'20.4"N 106°24'52.6"E	20°43'05.0"N 106°25'02.7"E
13.2	Cung Chúc	Xã Vĩnh Thịnh	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.		120	-Tuyến 1: 20°43'17.6"N 106°28'08.3"E	-Tuyến 1: 20°43'19.5"N 106°28'04.8"E
						150	-Tuyến 2: 20°43'22.0"N 106°27'57.9"E	-Tuyến 2: 20°43'24.6"N 106°27'53.9"E
14	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Thuận gói 1				1.950			

14.1	Đồng Quan	Xã Vĩnh Thuận	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lề đất.		530	-Tuyến 1: 20°44'17.1"N 106°29'36.2"E -Tuyến 2: 20°44'11.4"N 106°29'12.9"E	-Tuyến 1: 20°44'21.0"N 106°29'54.1"E -Tuyến 2: 20°44'03.2"N 106°29'15.0"E
14.2	Đồng Xanh 1	Xã Vĩnh Thuận	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lề đất.		90	20°42'43.4"N 106°30'10.6"E	20°42'43.9"N 106°30'13.5"E
15	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Thuận gói 2				1.810			
15.1	Cự Lai	Xã Vĩnh Thuận	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lề đất.		251	20°44'01.3"N 106°28'35.7"E	20°44'05.2"N 106°28'43.3"E
15.2	An Bò	Xã Vĩnh Thuận	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lề đất.		200	20°44'41.5"N 106°28'56.0"E	20°44'47.4"N 106°28'52.9"E

15.3	Đồng Ngũ	Xã Vĩnh Thuận	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	330	20°43'55.0"N 106°28'01.3"E	20°44'04.4"N 106°27'55.8"E
16	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hoà gói 1			1.615			
16.1	Xóm 1	Xã Vĩnh Hòa	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	148	-Tuyến 1: 20°42'14.1"N 106°25'01.5"E	-Tuyến 1: 20°42'18.8"N 106°25'02.3"E
					89	-Tuyến 2: 20°42'09.9"N 106°24'55.0"E	-Tuyến 2: 20°42'07.1"N 106°24'54.5"E
16.2	Đồng Buộm	Xã Vĩnh Hòa	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	158	20°41'37.8"N 106°26'02.0"E	20°41'36.5"N 106°25'56.8"E
16.3	Thượng Đồng	Xã Vĩnh Hòa	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	360	20°39'59.3"N 106°26'28.9"E	20°39'56.0"N 106°26'38.0"E
17	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Hoà gói 2			1.045			

17.1	Phương Lâm	Xã Vĩnh Hòa	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		135	20°42'14.2"N 106°27'08.8"E	20°42'09.9"N 106°27'08.0"E
17.2	Đông Chiềng	Xã Vĩnh Hòa	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		348	-Tuyến 1: 20°42'00.0"N 106°27'16.0"E	-Tuyến 1: 20°41'53.1"N 106°27'17.3"E
						16	-Tuyến 2: 20°41'49.8"N 106°27'14.9"E	-Tuyến 2: 20°41'49.4"N 106°27'14.6"E
18	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Am gói 1				1.595			
18.1	Ngãi Đông	Xã Vĩnh Am	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		742	20°38'25.8"N 106°34'01.9"E	20°38'03.4"N 106°34'11.0"E
19	Sửa chữa mương cứng sau trạm bơm xã Vĩnh Am gói 2				2.122			
19.1	Đông Cửa	Xã Vĩnh Am	Mương cứng cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lê đất.		670	20°37'55.9"N 106°33'02.7"E	20°37'48.7"N 106°33'17.3"E

19.2	Đồng Sau	Xã Vĩnh Am	Mương cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng cả đáy và thành mương. Vì vậy khi bơm nước phục vụ sản xuất gây thất thoát nước.	Đổ bê tông đáy, xây, trát thành mương và đắp lại lè đất.	45	-Tuyến 1: 20°38'23.6"N 106°32'56.5"E -Tuyến 2: 20°38'23.6"N 106°32'56.7"E	-Tuyến 1: 20°38'24.2"N 106°32'57.8"E -Tuyến 2: 20°38'22.4"N 106°32'49.3"E
B	ĐẦU TƯ SỬA CHỮA, BẢO TRÌ BẢNG NGUỒN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI KHÁC						
I	Thay thế cánh công, đập nội đồng:						
1	Cánh đập Đòng Dưng và cánh công Đông Am 2	Xã Vĩnh Thuận và xã Vĩnh Am	Cánh cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng. Vì vậy không đảm bảo an toàn cho công tác điều tiết nước.	Thay thế cánh sắt mới	220	-Cánh đập Đòng Dưng: 20°43'24.9"N 106°28'02.5"E -Cánh công Đông Am 2: 20°37'17.8"N 106°32'22.8"E	
2	Cánh công Vĩnh Lạc và cánh đập Đông Dụ	Xã Vĩnh Hải	Cánh cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng. Vì vậy không đảm bảo an toàn cho công tác điều tiết nước.	Thay thế cánh sắt mới	240	-Cánh công Vĩnh Lạc: 20°38'02.9"N 106°27'21.5"E -Cánh đập Đông Dụ: 20°38'10.4"N 106°27'52.1"E	

3	Thay cánh sắt công Ba Đồng	Xã Vĩnh Thịnh	Cánh cũ qua quá trình sử dụng đã xuống cấp nặng bị hỏng. Vì vậy không đảm bảo an toàn cho công tác điều tiết nước.	485			20°43'29.1"N 106°27'56.3"E
III	Sửa chữa trạm bơm điện:						
1	Đòng Xanh 1	Xã Vĩnh Thịnh	Nhà trạm bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng, mái bằng sang gạch, xà cừ bằng cột điện.	250	Đồ bê tông móng, xây, trát tường, đồ mái.		20°42'43.3"N 106°30'10.4"E
2	Viên Lang 1	Xã Vĩnh Thịnh	Nhà trạm bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	250	Đồ bê tông móng, xây, trát tường, đồ mái.		20°43'09.6"N 106°29'21.5"E
3	Đòng Giờ	Xã Vĩnh Thịnh	Nhà trạm bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng. Mái lợp ngói Pro Xi măng.	280	Đồ bê tông móng, xây, trát tường, đồ mái.		20°43'47.4"N 106°30'37.2"E
4	Thượng Am	Xã Vĩnh Am	Nhà trạm bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	350	Đồ bê tông móng, xây, trát tường, đồ mái.		20°38'43.6"N 106°31'06.6"E
IV	Sửa chữa nhà quản lý công, trạm bơm điện:						
1	Sửa chữa nhà quản lý trạm bơm Chùa Mỏ	Xã Vĩnh Hải	Nhà quản lý trạm bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	300	Đồ bê tông móng, xây, trát tường, đồ mái.		20°38'58.8"N 106°28'03.4"E

2	Sửa chữa nhà quản lý công Quán Khái	Xã Vĩnh Hải	Nhà quản lý công cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	Đổ bê tông móng, xây, trát tường, đổ mái.	300		20°36'19.8"N 106°28'36.7"E	
3	Sửa chữa nhà trạm bơm tiêu Cộing Hiền	Xã Vĩnh Hải	Nhà quản lý trạm bơm, nhà máy bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa khu trạm bơm	420		20°37'02.6"N 106°29'26.3"E	
4	Sửa chữa nhà trạm bơm, tường trạm bơm tiêu Gò Công	Xã Vĩnh Thuận	Nhà quản lý trạm bơm, nhà máy bơm cũ qua quá trình sử dụng đã bị xuống cấp nặng.	Sửa chữa khu trạm bơm	485		20°41'50.9"N 106°30'44.8"E	
V	Nạo vét kênh				681			
1	Nạo vét kênh 3 xã	Xã Nguyễn Bình Khiêm	Kênh nông cấy, bờ kênh vỡ lở nhiều chỗ, gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ tưới tiêu		120	350	20°39'43.0"N 106°32'55.7"E	20°39'32.5"N 106°32'51.6"E
2	Nạo vét kênh hút trạm bơm Hoàn Lộ	Xã Vĩnh Bảo	Kênh nông cấy, bờ kênh vỡ lở nhiều chỗ, gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ tưới		120	210	20°38'57.9"N 106°28'16.6"E	20°38'52.6"N 106°28'12.1"E
3	Nạo vét kênh hút trạm bơm Đồng Chanh	Xã Vĩnh Bảo	Kênh nông cấy, bờ kênh vỡ lở nhiều chỗ, gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ tưới		50	180	20°40'22.3"N 106°29'32.9"E	20°40'22.9"N 106°29'26.9"E

4	Nạo vét kênh hút bom Thượng Điện	Xã Vĩnh Bảo	Kênh nông cấy, bờ kênh vỡ lở nhiều chỗ, gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ tưới	109	420	20°39'51.5"N 106°29'18.4"E	20°40'03.5"N 106°29'18.0"E
5	Nạo vét cửa ngoài công Ba Đồng	Xã Vĩnh Thịnh	Kênh nông cấy, gây khó khăn cho công tác điều tiết nước phục vụ tưới tiêu	300	68	20°43'29.1"N 106°27'56.3"E	20°43'30.6"N 106°27'54.4"E
VI	Sửa chữa các công trình						
1	Sửa chữa máy đóng mở, công, đập và trạm bơm	Các xã		500			
2	Sửa chữa, vá và mương cứng sau các trạm bơm	Các xã		450			
3	Sửa chữa, bảo dưỡng máy trạm tiêu Thượng Đồng (trạm mới)	Xã Vĩnh Hòa	Bảo dưỡng, sửa chữa	390		20°39'44.1"N 106°26'21.8"E	
4	Sửa chữa, bảo dưỡng máy trạm tiêu Hiện	Xã Vĩnh Hải	Bảo dưỡng, sửa chữa	300		20°37'01.8"N 106°29'28.3"E	

5	Sửa chữa, bảo dưỡng máy bơm trạm tiêu Gò Công	Xã Vĩnh Thuận	Bảo dưỡng, sửa chữa	200	20°41'49.5"N 106°30'44.7"E		
6	Sửa chữa cầu máng trạm bơm Cầu Sắt	Xã Vĩnh Hòa	Cầu máng cũ đã xuống cấp nghiêm trọng	200	20°41'24.0"N 106°26'41.2"E		
C	ĐẦU TƯ SỬA CHỮA, BẢO TRÌ BẢNG NGUỒN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI VÀ DỊCH VỤ THỦY LỢI KHÁC						
1	Cắm mốc chỉ giới bảo vệ công trình công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Vĩnh Bảo quản lý			500			
2	Lập quy trình vận hành hệ thống thủy lợi Công ty TNHH MTV KTCT thủy lợi Vĩnh Bảo quản lý			450			
3	Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước tại cống Ba Đông và cống Chanh Chừ			500			

